**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 2**

**Năm học: 2024- 2025**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 8 - 11: BÀI 3: EM VUI ĐẾN TRƯỜNG**

**Tiết 1 + 2 - Đọc: EM VUI ĐẾN TRƯỜNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Chia sẻ về những điều em quan sát được trên đường đến trường theo gợi ý, nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài.

- Hiểu được nội dung bài đọc “Vẻ đẹp của con đường tới trường và những niềm vui của bạn nhỏ mỗi ngày ở lớp”.

- Tìm đọc một văn bản thông tin về trường học, viết được Phiếu đọc sách và biết cách chia sẻ với bạn Phiếu đọc sách của em.

- Biết lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- GV:** Tranh ảnh, video clip một vài con đường đến trường ở thành thị, nông thôn, ... có âm thanh tiếng chim hót, tiếng suối chảy, tiếng cười nói, tiếng xe cộ đi lại, ... (nếu có); Bảng phụ ghi bài thơ.

**- HS:** Mang theo sách có văn bản thông tin về trường học và Phiếu đọc sách đã ghi chép về những thông tin đã đọc.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức HS theo nhóm đôi chia sẻ về những điều em quan sát được trên con đường đến trường (cảnh đẹp, màu sắc, âm thanh, mùi hương, ...) bằng các giác quan.  - GV nhận xét, kết nối giới thiệu bài mới: *Em vui đến trường.*  - Giới thiệu tranh minh hoạ. | - HS trao đổi theo nhóm đôi.  - Chia sẻ trước lớp.  (Có thể là: Con đường từ nhà mình đến trường là con đường đá đỏ quanh co, uốn lượn. Dọc theo đường là hàng cây xanh rợp bóng mát, thấp thoáng trong vườn cây những ngôi nhà mái ngói đỏ tươi. Trên vòm cây tiếng chim líu lo chào ngày mới,….  - Lắng nghe.  - Nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài, và tranh minh hoạ. |
| **2. Khám phá**  **2.1. Luyện đọc thành tiếng:**  **Bước 1: Đọc mẫu**  - GV đọc mẫu (giọng trong sáng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp và cảm xúc của bạn nhỏ khi đi trên đường cũng như khi tới lớp; ngắt nhịp 1-4, 2-3 hoặc 3-2).  **Bước 2: Luyện đọc từ khó, câu dài, giải nghĩa từ**  - Tổ chức cho HS đọc theo câu, đoạn, bài trong nhóm, chú ý hướng dẫn luyện đọc từ khó, cách ngắt nghỉ một số dòng thơ:  - Giải thích nghĩa một số từ khó: véo von, phơi phới.  - GV Chốt và đánh giá.  **Bước 3: Luyện đọc khổ thơ**  GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn theo nhóm 2.  - GV nhận xét các nhóm.  **2.2. Luyện đọc hiểu:**  - Yêu cầu HS đọc thầm lại bài đọc  - Gv yêu cầu HS thảo luận nhóm 4.  để trả lời câu hỏi trong SGK.  + Câu 1: Tìm hình ảnh, âm thanh được nhắc đến trong hai khổ thơ đầu?  + Câu 2: Trên đường đến trường, bạn nhỏ cảm thấy thế nào?  + Câu 3: Theo em, khổ thơ cuối bài nói lên điều gì?  + Câu 4: Trong ba khổ thơ đầu, tiếng cuối những dòng thơ nào có vần giống nhau?  - Nhận xét, tuyên dương. - Tổ chức cho HS nêu nội dung bài đọc.  - GV chốt nội dung bài đọc:Vẻ đẹp của con đường tới trường và những niềm vui của bạn nhỏ mỗi ngày ở lớp.  - Yêu cầu nhắc lại. | - Lắng nghe, nhớ  - 1 HS đọc lại bài.  - Theo nhóm 4 tập đọc thành tiếng từng câu, đoạn, bài.  - Cá nhân trình bày trước lớp, kết hợp luyện đọc một số từ khó: véo von, phơi phới, giục giã,…  Tiếng trống/ vừa giục giã/  Trang sách hồng/ mở ra/  Giọng thầy/ sao ấm quá!  Nét chữ em/ hiền hòa.  Em/ vui cùng bè bạn/  Học hành/ càng hăng say/  Ước mơ/ đầy năm tháng/  Em/ lớn lên từng ngày.  - HS giải nghĩa từ: GSK/17  + véo von: âm thanh cao và trong, lên xuống nhịp nhàng, nghe vui và êm tai.  - HS luyện đọc theo nhóm 2.  -HS đọc thầm bài  + Hình ảnh, âm thanh được nhắc đến là: chim sâu nhỏ, mặt trời chín đỏ, nắng hồng, tiếng hót véo von của chim.  + Trên đường đến trường, bạn nhỏ cảm thấy lòng vui phơi phới.  + Khổ thơ cuối nói lên những niềm vui của bạn nhỏ mỗi ngày ở lớp.  + Hai khổ thơ đầu có câu 1-3; 2-4 có tiếng cuối mang vần giống nhau (nhỏ-đỏ; cành-xanh; mới-phới; phương-trường). Khổ thứ ba ở 4 câu có tiếng cuối mang vần giống nhau, vần không có âm cuối (giã-ra-quá-hoà)  - HS lắng nghe và đánh giá.  - Hs đọc thầm lại bài.  - Hs chia sẻ trong nhóm.  - Chia sẻ trước lớp. Lớp phó điều khiển.  - HS nhận xét, đánh giá.  - HS nêu:  - Nhận xét, bổ sung nếu có.  - Nhắc lại. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng**  - Yêu cầu HS xác định lại giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.  - GV đọc mẫu toàn bài lần 2.  - Tổ chức HS luyện đọc hai khổ thơ em thích trong nhóm, và học thuộc lòng bài thơ (GV xoá dần các câu thơ).  - Tổ chức HS thi đọc thuộc lòng trước lớp.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS nhắc lại: giọng trong sáng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp và cảm xúc của bạn nhỏ khi đi trên đường cũng như khi tới lớp; ngắt nhịp 1-4, 2-3 hoặc 3-2.  - Lắng nghe.  - HS theo nhóm đọc hai khổ thơ mình thích và học thuộc lòng bài thơ.  - HS thi đọc với nhau. |
| **3. Đọc mở rộng – Đọc một bài đọc về trường học.**  **3.1. Viết Phiếu đọc sách**  - Yêu cầu HS tìm đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài đọc về trường học.  **3.2. Chia sẻ Phiếu đọc sách**  - Yêu cầu HS theo nhóm đôi chia sẻ với bạn về *Phiếu đọc sách* của em: *tên bài đọc, tên tác giả, nội dung, thông tin em chú ý,...*  - Tổ chức cho HS trang trí, chia sẻ Phiếu đọc sách trước lớp và trưng bày vào góc sáng tạo của lớp.  - GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương tinh thần học tập của cả lớp. | (HS đã đọc và chuẩn bị ở nhà)  - HS thực hiện. Ví dụ: Bài “Thăm lại trường xưa”, tác giả Dương Tuấn, Nội dung: Nhớ lại những kỷ niệm, tình cảm thầy-trò dưới mái trường mến yêu….  - HS trang trí Phiếu đọc sách, chia sẻ với bạn và trưng bày. |
| **3. Vận dụng**  - Tổ chức cho HS tiếp tục chia sẻ về những điều em quan sát được trên con đường em đi đến trường hàng ngày (cảnh đẹp, màu sắc, âm thanh, mùi hương, ...) bằng các giác quan.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Nhắc HS xem lại bài và chuẩn bị bài cho tiết sau. | - Cá nhân HS chia sẻ trước lớp.  Ví dụ: Con đường mình đi đến trường là con đường được trải nhựa rộng, có nhiều xe cộ qua lại. Những chiếc xe chở khách, chở hàng xin đường bóp còi inh ỏi. Thỉnh thoảng có chiếc xe máy chạy vù qua làm mình giật bắn cả người….  - Lắng nghe. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

---------------------------------------------------------------------

**BÀI 3: EM VUI ĐẾN TRƯỜNG**

**Tiết 3 - NGHE VIẾT: EM VUI ĐẾN TRƯỜNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nghe viết đúng một đoạn trong bài thơ Em vui đến trường, phân biệt ch/tr, s/x hoặc g/r.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đánh giá bài viết của bạn trong nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* **GV:** Thẻ từ để tổ chức cho HS chơi trò chơi khi thực hiện các BT chính tả, từ và câu.
* **HS:** Vở, SGK, Vở BT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động**  - Cho HS nghe bài hát : Vui đến trường.  - Giới thiệu bài viết chính tả: một đoạn trong bài thơ Em vui đến trường. | - Tham gia múa hát  - Lắng nghe. |
| **2. Khám phá**  **2.1. Viết**  - Yêu cầu HS đọc 3 khổ thơ cuối của bài Em vui đến trường.  Tìm hiểu nội dung đoạn viết.  + Trên đường đến trường, bạn nhỏ cảm thấy thế nào?  - Yêu cầu Hs quan sát sách giáo khoa. Làm việc nhóm đôi.  - Cho luyện viết từ khó hay sai.  - GV đọc từng dòng thơ cho HS viết bài.  - Lưu ý viết hoa và lùi vào 3 ô đầu mỗi dòng thơ.  - Tổ chức cho HS trao đổi bài viết rà soát lỗi.  - GV thống kê số lỗi và nhận xét bài viết của HS.  **2.2. Bài tập**  **\* Phân biệt ch/tr**  - Gọi HS đọc yêu cầu BT  - Tổ chức HS chơi tiếp sức, tìm tiếng ở mỗi nhãn vở phù hợp với tiếng ở mỗi quyển vở.  - GV nhận xét, tuyên dương. Gọi HS đọc lại và tập đặt câu với từ vừa ghép được.  - Nhận xét, sửa sai.  **\* Phân biệt s/x hoặc g/r**  - Yêu cầu HS đọc BT3 (chọn nội dung thực hiện).  - Nhận xét, đánh giá. | - Cá nhân 2-3HS đọc từ: Đón chào một ngày mới đến hết bài.  + Trên đường đến trường, bạn nhỏ cảm thấy lòng vui phơi phới.  - Hs chia sẻ trong nhóm.  - Chia sẻ trước lớp.  VD: phơi phới, giục giã, hiền hoà,…  - HS phân tích, tập viết bảng con.  - HS nghe và viết bài vào vở.  - HS đổi vở, soát lỗi  - Lắng nghe, sửa lỗi đã viết sai.  - HS đọc yêu cầu BT2 và các tiếng ghi trên nhãn, quyển vở.  - Lớp trưởng điều khiển trò chơi, HS thực hiện trò chơi.  +(truyền thống, chuyền bóng, lời chào, dâng trào)  - HS đánh giá.  - HS đọc và làm vào vở BT.  VD: Đóng tủ thờ là nghề truyền thống ở quê em.  - HS đọc và thực hiện bài tập, chia sẻ trước lớp. (làm vào vở BT)  **+ s**: sạch sẽ, sung sướng, san sát, ...  + **x**: xôn xao, xào xạc, xa xa,...  + **g**: gặp gỡ, gay gắt, gan góc,...  + **r**: rung rinh, rì rào, râm ran,...  - Chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét, đánh giá. |
| **3. Vận dụng**  - Tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”  + Chia lớp thành 2 đội, nếu đội này nêu “Chữ” thì đội kia phải nêu được “Từ” có nghĩa (có thể đặt 1 câu) chứa chữ vửa nêu. VD: chữ x. Tìm từ: xinh xắn, (câu: Bạn Thư xinh xắn làm sao!)  - Nhận xét, tuyên dương.  - Xem lại bài, tập viết lại những từ đã viết sai. Chuẩn bị bài sau. | - Lớp trưởng điều khiển trò chơi, hướng dẫn trả lời câu hỏi.  - Tham gia trò chơi.  - Chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét, đánh giá.  - Lắng nghe, thực hiện |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

..........................................................................................................................................

..........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

**BÀI 3. EM VUI ĐẾN TRƯỜNG**

**TIẾT 4: LUYỆN TẬP VỀ TỪ CHỈ SỰ VẬT ĐẶC ĐIỂM, HOẠT ĐỘNG.**

**CÂU KỂ - DẤU CHẤM.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Luyện tập về từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động.

- Nhận diện và đặt được câu kể để giới thiệu, để kể hoặc tả, dấu chấm.

- Chia sẻ được một vài nội dung đơn giản về hình ảnh, màu sắc,... trong một bức tranh mùa thu. Nói được 1-2 câu về hình ảnh em thích trong bức tranh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Tranh ảnh phóng to để tổ chức hoạt động vận dụng (nếu có)

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Khởi động** | |
| - Tổ chức cho HS múa hát bài “Vui đến trường”  - Nhận xét, kết nối giới thiệu bài viết “Em vui đến trường” | - Tham gia múa hát  - Lắng nghe. |
| **2. Khám phá** | |
| **2.1. Tìm những từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động**  **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu của BT1  - Tổ chức HS theo nhóm 4 thực hiện vào phiếu  học tập  - Cho HS lên chia sẻ kết quả.  - GV nhận xét, sửa sai.  **2.2. Nhận diện câu kể, dấu chấm**  **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu BT2  - Tổ chức HS theo nhóm đôi tìm kết quả.  - 1-2 nhóm đại diện chia sẻ kết quả.  - GV nhận xét kết quả và chốt: Câu kể là câu thường dùng để giới thiệu hoặc dùng để kể, tả. Cuối câu kể có dâu chấm.  **2.3. Đặt câu kể**  **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu BT3.  - Tổ chức HS theo nhóm đôi thực hiện (chọn một đồ dùng học tập em thích để giới thiệu, kể hoặc tả về nó).  - GV khuyến khích HS chia sẻ trước lớp theo lời của mình.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc yêu cầu BT1  - Theo nhóm thực hiện và trình bày trước lớp.  + Từ gọi tên đồ dùng học tập: Bút mực, quyển vở, thước kẻ,...  + Từ chỉ hình dáng, màu sắc của đồ dùng học tập: Thon thon, vuông vức, hình chữ nhật, vàng nhạt, xanh lá,...  + Từ chỉ hoạt động sử dụng đồ dùng học tập: Viết, kẻ, vẽ,...  - Đại diện nhóm lên chia sẻ.  - HS chú ý lắng nghe, nhận xét.  - HS đọc yêu cầu BT2  - HS theo nhóm đôi thảo luận thực hiện các yêu cầu a,b và trình bày trước lớp.  a. Câu dùng để giới thiệu: *câu 1*  Câu dùng để kể, tả: *câu 2, 3*  b. Cuối các câu kể tìm được có *dấu chấm*  - Đại diện nhóm lên chia sẻ.  - Lắng nghe và ghi nhớ  - HS đọc yêu cầu BT 3.  - HS theo nhóm đôi thực hiện và trình bày trước lớp. Có thể: Đây là cây thước kẻ của mình. Nó đồng hành cùng mình trong suốt những ngày qua. Mình quý mến thước nên giữ gìn rất cẩn thận. Sử dụng xong, mình lau thước sạch sẽ và bỏ ngay ngắn trong hộp bút. …  - HS viết vào VBT và một số bạn đọc trước lớp. |
| **3. Vận dụng** | |
| - Yêu cầu HS đọc nội dung phần Vận dụng  - Tổ chức HS theo nhóm đôi thảo luận với câu hỏi gợi ý:  + Bức tranh em chọn là bức tranh nào?  + Bức tranh vẽ những hình ảnh gì?  + Bạn nhỏ dùng màu gì dể vẽ mỗi cảnh vật trong tranh?  - GV khuyến khích nhiều HS nói theo ý của mình.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Nhắc nhở HS xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS đọc ND.  - HS theo nhóm đôi và tập nói theo gợi ý và trình bày trước lớp.  Có thể là: Mình chọn bức tranh có vườn cây, vì mình yêu màu xanh của cây lá. Trong bức tranh này, tác giả đã vẽ môt góc khu rừng, có rất nhiều cây. Rừng vào thu nên màu sắc nổi bật là màu vàng. Nhiều lá úa vàng rụng trên mặt đất. …  - HS chú ý lắng nghe. |
| - Gọi HS nêu lại 1 số đồ dùng học tập.  - Dặn dò VN: Xem lại bài. Chuẩn bị: “Nhớ lại buổi đầu đi học”. | - HS nêu trước lớp |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

**BÀI 4: NHỚ LẠI BUỔI ĐẦU ĐI HỌC**

**Tiết 5 – Đọc: NHỚ LẠI BUỔI ĐẦU ĐI HỌC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhớ lại và nói được về ngày đầu tiên đi học theo gợi ý; nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.

- Hiểu được nội dung bài đọc: Bài văn ghi lại những hồi tưởng đẹp đẽ của tác giả về buổi đầu đi học.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

**- GV:** Tranh ảnh, video clip một số cảnh mùa thu (lá vàng rơi) hoặc cảnh HS tựu trường, gặp thầy cô, gặp bạn bè,...

**- HS:** Bảng phụ ghi đoạn từ: Buổi sớm mai hôm ấy ... đến tôi đi học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động**  - Tổ chức cho HS theo nhóm đôi để nói về ngày đầu tiên em đi học (có thể nói về những việc chuẩn bị cho ngày đầu đi học, quang cảnh trên đường đi,... hoặc cũng có thể chia sẻ cảm xúc của các em trong ngày đầu đi học kết hợp với tranh, ảnh vẽ cảnh HS tựu trường)  - GV nhận xét, kết nối giới thiệu bài Nhớ lại buổi đầu đi học.Minh hoạ tranh. | - HS thực hiện. Có thể là: Một buổi sáng mùa thu mát mẻ, mẹ chở tôi đến trường trên chiếc xe máy cũ thân quen. Sân trường tập nập, đông vui. Tôi nép sát và nắm chặt lấy tay mẹ khi đi vào lớp. Cô giáo mỉm cười và đón tôi ngay trước cửa…  HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa phỏng đoán nội dung bài đọc. |
| **2. Khám phá**  **2.1. Luyện đọc thành tiếng**  **Bước 1: Đọc mẫu**  - GV đọc mẫu lần 1 (giọng đọc toàn bài thong thả, chậm rãi, nhấn giọng những từ ngữ thể hiện vẻ đẹp của cảnh vật, hoạt động và trạng thái cảm xúc của bạn nhỏ và các bạn HS).  **-** GV hướng dẫn chia đoạn:Bài chia 4 đoạn.  **Bước 2: Luyện đọc từ khó, câu dài, giải nghĩa từ**  - GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn để tìm từ khó đọc, từ khó cần giải nghĩa, câu dài trong nhóm 4.  - GV ghi bảng từ khó đọc lên bảng rồi hướng dẫn HS.  - Tổ chức HS theo nhóm đọc thành tiếng nối tiếp đoạn, bài.  - Chú ý luyện đọc một số từ khó và cách ngắt câu dài .  + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ.  + thèm vụng:  + ước ao thầm:  **2.2. Luyện đọc hiểu**  - Yêu cầu HS đọc thầm lại bài đọc  - Gv yêu cầu HS thảo luận nhóm 4  để trả lời câu hỏi trong SGK.  + Câu 1: Điều gì gợi cho tác giả nhớ về buổi đầu đi học?  + Câu 2: Vì sao tác giả thấy lạ khi đi trên con đường làng quen thuộc?  + Câu 3: Những hình ảnh nào cho thấy các bạn học trò mới bỡ ngỡ trong ngày tựu trường?  + Câu 4: Bài đọc nói về điều gì?  - Yêu cầu nêu nội dung bài?  GV chốt: Bài văn ghi lại những hồi tưởng đẹp đẽ của tác giả về buổi đầu đi học.  - Nhận xét, tuyên dương.  **2.3. Luyện đọc lại**  - Yêu cầu HS xác định giọng đọc của toàn bài  - GV đọc mẫu lần 2.  - Tổ chức HS luyện đọc đoạn từ “Buổi mai hôm ấy ... đến tôi đi học” trong nhóm.  - Tổ chức thi đọc.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Gọi HS đọc toàn bài.  - GV nhận xét. | -HS lắng nghe GV đọc bài và đọc thầm theo.  - HS chú ý lăng nghe và quan sát trong SGK.  - HS thực hiện.  + Đoạn 1: Từ đầu...tựu trường.  + Đoạn 2: Tôi quên...quang đãng.  + Đoạn 3: Buổi mai ... tôi đi học,  + Đoạn 4: Cũng như tôi...hết bài*.*  - HS theo nhóm đọc thành tiếng đoạn, bài và trình bày trước lớp.  - Kết hợp luyện đọc một số từ khó phát âm dễ sai như: *nao nức, mơn man, nảy nở, quang đãng, lắm lần, bỡ ngỡ, quãng trời rộng,...*  - HS nhận xét, đánh giá.  - HS lắng nghe GV đọc câu dài.  + Tôi quên thế nào được / những cảm giác trong sáng ấy/ nảy nở trong lòng tôi/ như mấy cánh hoa tươi/ mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.  + Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu/ và gió lạnh, mẹ tôi/ âu yếm nắm tay tôi/ dẫn đi/ trên con đường làng dài/ và hẹp.  + Cảnh vật chung quanh tôi/ đều thay đổi, vì chính lòng tôi/ đang có sự thay đổi lớn:/ hôm nay tôi đi học.  + Họ thèm vụng/ và ước ao thầm/ được như những học trò cũ, biết lớp, biết thầy/ để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.  - HS luyện đọc câu dài.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS giải nghĩa như SGK/21  + *thèm vụng*: mong muốn có được, hoặc làm được việc gì đo, nhưng giấu đi không thể hiện ra cho người khác biết.  + *ước ao thầm:* mong ước thiết tha có được, đạt được điều gì đo nhưng kín đáo, không biểu lộ ra ngoài,...  - HS đọc thầm lại bài đọc và trả lời câu hỏi. Thảo luận nhóm 4 ,chia sẻ nhóm và trước lớp.  - Lớp trưởng điều khiển.  + Cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều. => thời gian bắt đầu năm học mới.  + Tác giả thấy lạ khi đi trên con đường làng quen thuộc vì chính trong lòng tác giả đang có sự thay đổi, đang có nhiều cảm xúc đan xen trong buổi đầu đi học  + Đứng nép bên người thân, chỉ dám đi từng bước nhẹ, ngập ngừng e sợ.  + Kỉ niệm đẹp đẽ của tác giả về buổi đầu đi học.  + Hs nêu nội dung bài đọc  - Lắng nghe và nhắc lại.  - HS nêu: đọc thong thả, chậm rãi, nhấn giọng những từ ngữ thể hiện vẻ đẹp của cảnh vật, hoạt động và trạng thái cảm xúc của bạn nhỏ và các bạn HS  - Lắng nghe.  - HS theo nhóm luyện đọc đoạn “Buổi mai hôm ấy ... đến tôi đi học”.  - Tham gia thi đọc.  - Nhận xét, chọn bạn đọc hay nhất.  - HS đọc toàn bài.  - HS nhận xét, đánh giá. |
| **4. Vận dụng**  - Tổ chức cho HS tiếp tục chia sẻ với nhau về ngày đầu tiên mình đi học.  - Nhận xét, tuyên dương. Nhắc nhở HS xem lại bài, chuẩn bị cho tiết sau. | - Hs chia sẻ trong nhóm.  VD: Buổi sáng hôm ấy, mình được bà ngoại đưa đến trường. Sân trường rộng rãi và náo nhiệt. Mình đi theo sau và níu lấy áo như sợ bà bỏ mình….  - Chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét, đánh giá. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**BÀI 4: NHỚ LẠI BUỔI ĐẦU ĐI HỌC**

**Tiết 6 - NÓI VÀ NGHE: ĐỌC-KỂ CHIẾC NHÃN VỞ ĐẶC BIỆT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Tìm được từ ngữ chỉ cảm xúc của tác giả và của bản thân trong ngày đầu tiên đi học. Nói được 1-2 câu thể hiện cảm xúc khi nhớ về ngày đầu đi học.

- Kể được câu chuyện “Chiếc nhãn vở đặc biệt ” theo tranh và từ ngữ gợi ý.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Tệp ghi âm và video clip minh họa nội dung truyện Chiếc nhãn vở đặc biệt, phiếu học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động**  - Tổ chức HS múa hát bài “Bài ca đi học”  - Nhận xét, kết nối giới thiệu bài: Nói và nghe: Đọc- kể Chiếc nhãn vở đặc biệt. | - HS tham gia múa hát.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá**  **2.1. Tìm từ ngữ chỉ cảm xúc trong ngày đầu tiên đi học.**  - Gọi HS yêu cầu BT 2,3  - Yêu cầu HS đọc thầm lại bài đọc  - Tổ chức HS tìm từ ngữ chỉ cảm xúc trong ngày đầu tiên đi học.  (Lưu ý: từ *nao nức* chỉ cảm xúc của trạng thái nhớ lại mà không chỉ cảm xúc của buổi đầu đi học; các từ : *rụ rè, ngập ngừng, e sợ* không phải là từ ngữ chỉ cảm xúc mà là từ chỉ trạng thái).  - GV nhận xét, đánh giá.  **2.2. Nói và nghe**  - Yêu cầu HS đọc yêu cầu thầm lại bài.  - Giới thiệu và hướng dẫn HS quan sát từng tranh, từ ngữ gợi ý dưới tranh, yêu cầu kể lại từng đoạn câu chuyện theo nhóm đôi.  - Nhận xét đánh giá, tuyên dương  - Tổ chức HS kể lại toàn bộ câu chuyện.  (Lưu ý HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ, phân biệt giọng các nhân vật khi kể)  - GV nhận xét, khen ngợi. | - HS đọc yêu cầu BT 2,3  - Cá nhân HS tìm từ ngữ chỉ cảm xúc, đặt câu về ngày đầu tiên đi học ghi vào phiếu học tập và trình bày trước lớp.   |  |  | | --- | --- | | Từ ngữ chỉ cảm xúc | Câu | | bỡ ngỡ; hồi hộp, lo lắng, vui mừng, nôn nao, náo nức, háo hức, ... | Buổi sáng hôm ấy, mẹ đưa tôi đến trường. Bước vào sân, tôi hồi hộp xen lẫn lo lắng nên nắm chặt lấy tay mẹ…. |   - Chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét, đánh giá.  - HS đọc yêu cầu..  - HS theo nhóm đôi tập kể từng đoạn và chia sẻ trước lớp.  \* Đoạn 1:  + Tranh vẽ những ai ?  + Mỗi người đang làm gì ?  + Thái độ của mỗi người ra sao ?  \* Đoạn 2:  + Bạn nhỏ đã làm gì để chuẩn bị cho năm học mới ?  + Bạn cảm thấy thế nào khi mở một quyển sách mới ?  \* Đoạn 3:  + Bạn nhỏ đề nghị được làm gì ?  + Bạn làm việc ấy thế nào ?  \* Đoạn 4:  + Bạn nhỏ mong điều gì ? Vì sao?  - Lớp trưởng điều khiển.  - Lớp nhận xét đánh giá, chọn bạn kể hay nhất.  - Cá nhân xung phong kể lại câu chuyện.  - HS nhận xét, đánh giá. |
| **4. Vận dụng**  - Tổ chức cho HS thi kể chuyện từng đoạn theo tranh.  - Nhận xét, tuyên dương. Khuyến khích các em về kể lại câu chuyện cho người thân nghe. | - Cá nhân xung phong kể lại câu chuyện.  - HS dùng lời của mình thi kể lại từng đoạn của câu chuyện *Chiếc nhãn vở đặc biệt.*  - HS nhận xét, đánh giá. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..................................

---------------------------------------------------------------------

**BÀI 4: NHỚ LẠI BUỔI ĐẦU ĐI HỌC**

**Tiết 7 - VIẾT SÁNG TẠO: VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ ĐỒ DÙNG HỌC TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Viết được đoạn văn ngắn tả một đồ dùng học tập của em.

- Biết đố bạn các đồ dùng học tập

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

**- GV:** Hình ảnh sơ đồ tư duy để thực hiện hoạt động nói/ viết về một đồ dùng học tập.

**- HS:** Một số câu đố về đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động**  - Tổ chức trò chơi “Ai nhanh trí”  - Chia lớp theo 2 đội A; B.  - Yêu cầu mỗi đội cử 1 đại diện để đưa gợi ý cho đội còn lại tìm kết quả, nối tiếp nhau theo đội thắng sẽ được nêu câu hỏi tiếp theo.  (Lưu ý chủ đề là Đồ dùng học tập)  - Nhận xét, kết nối giới thiệu bài “Viết sáng tạo: Viết đoạn văn tả đồ dùng học tập” | - Lớp trưởng điều khiển trò chơi, làm trọng tài.  - Theo đội tham gia trò chơi.  VD:  + Người đại diện đội A nêu: Tên một đồ vật có 3 chữ cái, bắt đầu bằng chữ “B”  + Đội B tìm: Bút, …  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá**  **2.1. Nói về đồ dùng học tập em thích**  - Gọi HS đọc yêu cầu của BT1  - Tổ chức HS theo nhóm đôi tập nói.  (Lưu ý: Đây là dạng bài HS đã học ở lớp hai, GV cần hỗ trợ HS phát triển ý tưởng khi nói, chú ý nói về đặc điểm nổi bật và cảm xúc với đồ dùng học tập em thích).  - Nhận xét, sửa sai.  **2.2. Luyện tập thực hành viết đoạn văn ngắn tả một đồ dùng học tập của em**  - Gọi HS đọc yêu cầu BT2  - Hướng dẫn HS viết đoạn văn vào VBT  - Nhận xét về nội dung và hình thức trình bày của HS. | - HS đọc yêu cầu của BT1  - HS theo nhóm đôi thực hiện và trình bày trước lớp.  + Cái cặp là người bạn thân thiết của mình trong suốt thời gian qua. Cặp sách có màu hồng rất tươi. Nổi bật trên nền hồng ấy là hình một chú thỏ trắng có cặp mắt to, tròn, đen lay láy và đôi tai dài vô cùng đáng yêu. Mình quý chiếc cặp lắm nên giữ gìn rất cẩn thận. Hằng ngày, khi học bài xong, mình cất các đồ dùng nhẹ nhàng vào cặp, thì thầm kể với cặp những điều mình học được.  - HS đọc yêu cầu BT2  - HS viết bài vào VBT và đọc trước lớp. |
| **4. Vận dụng**  - Tổ chức Chơi trò chơi “Đố bạn” các đồ dùng học tập.  - GV phổ biến cách chơi. (HS có thể sử dụng câu đố sưu tầm được hoặc tự suy nghĩ câu đố dựa vào những đặc điểm nổi bật hay ích lợi của đồ dùng học tập để đố bạn).  GV cho hs suy nghĩ cá nhân.  - Nhận xét, tuyên dương.  - Nhắc nhở HS biết giữ gìn các loại đồ dùng để sử dụng bền lâu  - Tổng kết bài học. Nhắc HS chuẩn bị bài cho tuần 3. | **-** Lớp trưởng điều khiển.  - HS tham gia trò chơi, chia hai dội A; B. Luân phiên nhau hỏi và nêu câu đố, mời bạn trả lời câu đố.  + cái thước kẻ.  + cái bút mực.  - HS nhận xét, đánh giá.  ***Một số câu đố về đồ dùng học tập***   1. **Mình tròn đầu nhọn** Không phải bò trâu Uống nước ao sâu Lên cày ruộng cạn ***(Là cái gì? – Cái bút mực)*** 2. **Áo em có đủ các màu** Thân em trắng muốt như nhau thẳng hàng Mỏng dày là ở số trang Lời thầy cô, kiến thức vàng trong em. ***(Là cái gì? – Quyển vở)*** 3. **Thân thì liền với hai chân** Khi làm chân nghỉ, chân quay mới kỳ. ***(Là cái gì? – Cái compa)***   - Lắng nghe và thực hiện |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN**

**TIẾT 6 : MI – LI - MÉT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Biết mi – li – mét là một đơn vị đo độ dài; đọc, viết tên, kí hiệu của nó; biết 1cm = 10mm.

- Thực hiện được các phép tính với các số đo kèm theo đợn vị đo là mi-li-mét.

- Vận dụng giải quyết các vấn đề thực tế trong cuộc sống.

- Thực hành đo một số đồ vật với đơn vị đo mi-li-mét.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

- Nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. GV: Kế hoạch bài dạy, bảng phụ ghi các bài tập.

2. HS: SGK, VBT, bảng con, thước kẻ .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động:**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Ở lớp 2 các bạn đã được học những đơn vị đo độ dài nào?  + Hãy đo chiều dài, chiều rộng của quyển sách Toán với đơn vị đo là xăng-ti-mét.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: | - HS tham gia trò chơi  + Đơn vị xăng-ti-mét  + HS thực hiện và nêu kết quả.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:**  a. Nhận biết đơn vị đo độ dài mi-li-mét  - GV giới thiệu cho HS biết về đơn vị mm  - Mi – li – mét là 1 đơn vị đo độ dài, được viết tắt là mm.  - GV yêu cầu HS đọc.  - GV yêu cầu HS lấy thước kẻ để quan sát.  + Trên thước còn có những vạch nào?  - GV yêu cầu HS tìm vạch 1mm.  - GV nhận xét, tuyên dương  => Kết luận: Để đo được một vật có đơn vị  nhỏ hơn cm thì chúng ta dùng đơn vị đo mm.  b. Nhận biết 1cm = 10mm  - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm bàn    - GV nêu: 1cm = 10 mm; 10mm = 1cm  - GV yêu cầu HS nhắc lại  c. Nêu ví dụ  - GV yêu cầu HS cùng thảo luận với nhóm 4, chia sẻ với bạn một số đồ vật trong thực tế có độ dày và độ dài 1mm.  - GV yêu cầu HS nêu vài ví dụ để dẫn chứng. | - HS lắng nghe  - HS đọc lại.  - HS quan sát trên thước kẻ.  + Còn có vạch cm, vạch mm.  - HS quan sát .  - HS tìm trên thước kẻ sau đó chia sẻ với bạn theo nhóm bàn.  -HS thảo luận theo nhóm bàn để tìm các vạch 2mm, 3mm, 6mm,...  - Đại diện HS lên chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe.  - HS làm việc cá nhân sau đó thảo luận theo nhóm bàn chỉ và đếm từ 1mm đến 10mm  - HS đếm .  - HS nhắc lại  - HS tìm và thảo luận theo nhóm 4.  + Độ dày của một đồng xu khoảng 1mm.  +Độ dày thẻ ngân hàng của mẹ khoảng 1mm.  + Chiếc thước kẻ dày khoảng 1mm. |
| **3. Luyện tập:**  Bài 1 a. Mỗi đoạn dây sau dài bao nhiêu mm?  - Gọi HS đọc YC bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - GV yêu cầu HS quan sát nêu kết quả  - GV gọi đại diện lên chia sẻ.  - GV nhận xét tuyên dương.  b. Đoạn dây nào ở câu a dài hơn?  - Gọi HS đọc YC bài.    - GV mời HS chia sẻ trước lớp  - GV chốt bài: Nhận biết được đơn vị đo mm. | - HS đọc yêu cầu bài tập  - HS nêu  - HS làm việc cá nhân quan sát sau đó chia sẻ với bạn bên cạnh.  - Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.  + Đoạn thứ nhất dài: 23mm  + Đoạn thứ hai dài: 32mm  - HS chia sẻ bài  - HS đọc yêu cầu bài tập  - HS làm việc cá nhân sau đó chia sẻ bài .  + Đoạn thứ hai dài hơn đoạn dây thứ nhất  - HS nhận xét bài bạn |
| Bài 2 : Số?  - Gọi HS đọc YC bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - GV yêu cầu HS quan sát nêu kết quả  - GV gọi đại diện lên chia sẻ  - GV nhận xét tuyên dương  Bài 3. Chọn đơn vị đo độ dài (mm, cm, m) để đặt vào ô ? cho thích hợp ?  - Gọi HS đọc YC bài.  - GV gọi đại diện lên chia sẻ.  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV chốt bài: Nhận biết được các đơn vị đo độ dài đã học để điền vao ô trống. | - HS đọc yêu cầu bài tập  - HS quan sát và nêu kết quả  - HS làm bài vào vở, sau đó chia sẻ kết quả với bạn bên cạnh.  *a*) 1cm = 10mm, b) 30mm = 3cm,  8cm = 10mm, 100mm = 10cm,  c) 1dm = 100mm,  1m= 1000mm  - HS chia sẻ bài  - HS nhận xét bài bạn  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS làm việc cá nhân sau chia sẻ với bạn theo nhóm đôi.  - Đại diện các nhóm trình bày trước lóp.  + Con hươu cao cổ cao 5 ***m***  + Con cá rô phi dài 20 ***cm***  + Con kiến dài 5 ***mm*** |
| **4. Vận dụng.**  Bài 4: Thực hành: Đo một số đồ vật và nêu kết quả đo.  - Bài yêu cầu làm gì?  - GV yêu cầu HS ghi vào phiếu bài tập  - GV nhận xét, tuyên dương  + Qua bài học hôm nay các bạn nhận biết thêm được đơn vị đo độ dài nào?  + Mi – li – mét là đơn vị đo độ dài như thế nào so với đơn vị đo độ dài xăng – ti – mét đã học?  - GV nhận xét tiết học  - GV dặn dò: Về chuẩn bị bài tiết 2. | - HS đọc yêu cầu bài tập  - HS làm việc cá nhân sau đó chia sẻ kết quả theo nhóm 4  - HS chia sẻ trước lớp.  + Bút chì dài 12 cm  + Chiếc lá dài 58 mm  + Cái tẩy dài 35 mm  - HS nhận xét bài bạn  - Đơn vị đo độ dài mi – li – mét.  - Mi – li – mét là đơn vị đo độ dài nhỏ hơn so với đơn vị đo độ dài xăng – ti – mét đã học. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

...........................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................................

**TOÁN**

**TIẾT 7: ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN, BẢNG NHÂN 2, BẢNG NHÂN 5**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Ôn tập về phép nhân, Bảng nhân 2, Bảng nhân 5.

- Làm quen với giải bài toán về phép nhân

-Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tễ.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. GV: Kế hoạch bài dạy, bảng phụ ghi các bài tập.

2. HS: SGK, VBT, bảng con, thước kẻ .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV tổ chức trò chơi “Bắn tên” để khởi động bài học.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Ở lớp 2 chúng ta đã được học bảng nhân 2, bảng nhân 5 rồi, để khắc sâu hôm nay cô cùng các bạn cùng ôn tập lại hai bảng nhân đã học.  - GV ghi bài bảng. | - HS tham gia trò chơi  + 2 x 4 = 8  + 2 x 6 = 12  + 2 x 9 =18  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:*  Bài 1.Nêu phép nhân thích hợp với mỗi tranh vẽ:(Làm việc nhóm 2)  - Yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV yêu cầu HS quan sát từng bức tranh và nêu nội dung từng bức tranh.    - GV mời các nhóm trình bày kết quả.  **-** GV chốt  Bài 2: Giải các bài toán theo mẫu (cá nhân).  - Yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV yêu cầu HS quan sát từng bức tranh và nêu nội dung từng bức tranh.    - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: Tính nhẩm  - GV cho HS đọc yêu cầu bài  + Bài tập yêu cầu gì?  - GV cho HS chơi trò chơi “Xì điện”  - GV nêu cách chơi và cho HS chơi  - GV chốt: Bài học đã cho chũng ta khắc sâu thêm về bảng nhân 2 và bảng nhân 5 đã học. | - HS đọc yêu cầu  - HS quan sát tranh và nêu nội dung.  - HS làm việc cá nhân sau chia sẻ với bạn theo nhóm đôi.  + Tranh 1 vẽ chú voi đang xách 2 xô nước: vậy 2 được lấy 1 lần: 2 x 1 = 2.  + Tranh 2 vẽ chú voi đã xách được 4 xô nước bằng 2 lần xách: vậy 2 được lấy 2 lần: 2 x 2 = 4.  + Tranh 3 vẽ chú voi đang xách 6 xô nước bằng 3 lần xách: vậy 2 được lấy 3 lần: 2 x 3 = 6.  - HS trình bày – HS nhận xét bài bạn  - HS đọc yêu cầu  - HS quan sát tranh và nêu nội dung.  - HS làm việc cá nhân sau chia sẻ trước lớp.  + Tranh 1 vẽ 5 chiếc mũ sinh nhật: vậy 5 được lấy 1 lần: 5 x 1 = 5.  + Tranh 1 vẽ 10 chiếc mũ sinh nhật chia làm 2 chồng: vậy 5 được lấy 2 lần: 5 x 2 = 10.  + Tranh 1 vẽ 15 chiếc mũ sinh nhật chia làm 3 chồng: vậy 5 được lấy 3 lần: 5 x 3 = 15.  - HS trình bày – HS nhận xét bài bạn  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS quan sát bài tập, nhẩm tính   |  |  | | --- | --- | | 2 x 7 = 14 | 5 x 5 = 25 | | 2 x 5 = 10 | 5 x 7 = 35 | | 2 x 2 = 4 | 5 x 3 = 15 | | 2 x 4 = 8 | 5 x 6 = 30 | | 2 x 9 = 18 | 5 x 8 = 40 | | 2 x 6 = 12 | 5 x 9 = 45 | |
| **3. Vận dụng.**  - GV cho HS đọc bài toán trong SHS trang 15  - GV yêu cầu HS đọc bài toán  - GV mời HS chia sẻ.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Nhận xét tiết học  - Về chuẩn bị cho bài bảng nhân 3. | - HS đọc bài toán.  - HS quan sát mẫu và đọc lời giải để vận dụng giải bài toán.  - HS giải bài vào vở, sau đó chia sẻ với bạn bên cạnh nhận xét bài của nhau.  - HS tìm và nêu lời giải  - HS chia sẻ trước lớp.  Bài giải  8 con gà có số chân là:  8 x 2 = 16 (chân)  Đáp sô: 16 chân. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ...................................................................................................................................................  ................................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**TIẾT 8;9: BẢNG NHÂN 3**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Tìm được kết quả của các phép tính trong bảng nhân 3 và thành lập bảng nhân 3.

- Vận dụng Bảng nhân 3 để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. GV: Kế hoạch bài dạy, bảng phụ ghi các bài tập.

2. HS: SGK, VBT, bảng con, thước kẻ .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV tổ chức trò chơi “Truyền điện”để ôn lại bảng nhần, bảng nhân 5.  - GV nhận xét, dẫn dắt vào bài : Bảng nhân 3 | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe.  - HS nêu tên bài |
| **2. Khám phá:**  a. Thành lập bảng nhân 3  - GV yêu cầu HS sử dụng các tấm thẻ  + Tấm thẻ có mấy chấm tròn?  + 3 được lấy mấy lần? Nêu phép tính tương ứng?    - GV tiếp tục lấy 2 tấm thẻ và HD như phép tính đầu  +3 được lấy mấy lần? Nêu phép tính tương ứng?  - GV yêu cầu HS nêu lại phép tính  - GV viết lại phép tính lên bảng  - GV tiếp tục lấy 3 tấm thẻ và HD như phép tính đầu  +3 được lấy mấy lần? Nêu phép tính tương ứng?  - GV hướng dẫn các phép tính còn lại cho hết bảng nhân 3.  - GV cho HS đọc theo tổ, cả lớp  b. Giới thiệu bảng nhân 3:  - GV giới thiệu bảng nhân 3.    +Hãy nhận xét về các thừa số trong bảng nhân 3?  + Kết quả của bảng nhân có sự thay đổi như  thế nào?  - GV nhận xét, tuyên dương.  c. Trò chơi “ Đố bạn”  - GV nêu tên trò chơi, cách chơi cho HS.  - GV cho HS chơi  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS lấy các tấm thẻ theo yêu cầu GV.  - Tấm thẻ có 3 chấm tròn.  - HS lấy 1 tấm thẻ có 3 chấm tròn và nói  3 được lấy 1 lần vậy 3 x 1 = 3  - 2 -3HS nêu lại 3 x 1 = 3  - HS quan sát và thực hiện theo  - 3 được lấy 2 lần vậy 3 x 2 = 6  - 2 -3HS nêu lại  3 x 2 = 6  - HS quan sát và thực hiện theo  - 3 được lấy 3 lần vậy 3 x 3 = 9  - 2 -3HS nêu lại 3 x 3 = 9  -HS thảo luận nhóm đôi tìm kếtquả các phép tính còn lại  3 x 4 = 12 3 x 7 = 21  3 x 5 = 15 3 x 8 = 24  3 x 6 = 18 3 x 9 = 27  3 x 10 = 30.  - 2-3HS đọc lại các phép tính  - HS quan sát và lắng nghe  - Một số HS đọc lại  - HS đọc thuộc theo nhóm bàn.  + Thừa số thứ nhất không thay đổi, thừa số thứ 2 thay đổi tăng dần thêm 1 đơn vị.  + Kết quả của bảng nhân tăng nối tiếp  dần thêm 3. Kết quả phép tính sau  hơn kết quả phép tính trước 3 đơn vị.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe và tham gia chơi.  + Hai bạn cùng một nhóm chơi, một bạn nêu phép tính, một bạn nêu kết quả, và ngược lại.  - HS chơi trò chơi, các bạn cổ vũ.  - HS nhận xét. |
| 3. Luyện tập:  Bài 1: Tính nhẩm  - GV cho HS đọc yêu cầu bài  + Bài tập yêu cầu gì?  **-** GV cho HS làm bài cá nhân.  - GV cho HS chơi trò chơi “Xì điện”    - GV chốt: Bài học đã cho chúng ta khắc sâu thêm về bảng nhân 3 và tính chất giáo hoán của phép nhận. | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS trả lời  - HS quan sát bài tập, nhẩm tính  - HS chơi trò chơi  + HS khác nhận xét, bổ sung. |
| **4. Vận dụng**  Bài 5: a.  - GV yêu cầu HS đọc bài toán.        - GV nhận xét, tuyên dương.  - Nhận xét tiết học. | - HS đọc bài toán nói cho nhau nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì và cách giải bài toán theo nhóm bàn.  - HS làm bài vào vở sau đó chia sẻ bài  Bài giải  6 khay có số cái bánh là:  3 x 6 = 18 (chiếc)  Đáp số: 18 chiếc bánh bao  - HS nhận xét bài bạn |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV kết nối giới thiệu bài mới. | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập**  Bài 2: Tính  - GV cho HS đọc yêu cầu bài  + Bài tập yêu cầu gì?  **-** GV cho HS làm bài cá nhân.   |  | | --- | |  |   - GV nhận xét, tuyên dương  Bài 3: Nêu phép nhân thích hợp với mỗi tranh vẽ  - Yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV yêu cầu HS quan sát từng bức tranh và nêu nội dung từng bức tranh.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm nêu ND tranh và phép tính tương ứng.    - GV cho HS làm nhóm 2 trên phiếu học tập.  - GV mời các nhóm trình bày kết quả.  - GV Nhận xét từng bài, tuyên dương.  Bài 4 a. Hãy đếm thêm 3:  - Yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân  - GV gọi HS nối tiếp nhau chia sẻ.  - GV nhận xét và tuyên dương  b. Xếp các chấm tròn thích hợp với mỗi phép nhân sau:  - Yêu cầu HS đọc đề bài.    - GV hướng dẫn HS cách thực hiện:  - GV yêu cầu HS lên chia sẻ cách làm.  - GV nhận xét và tuyên dương. | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS trả lời  - HS quan sát bài tập, nhẩm tính   |  |  | | --- | --- | | 3 kg x 2 = 6 kg | 3 *l* x 7 = 21 *l* | | 3 dm x 4 =`12 dm | 3 mm x 10 = 30 mm | | 3 m x 8 = 24 m | | 3km x 9 = 27 km |   - HS làm bài vào vở.  + HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe  - HS đọc yêu cầu  - HS quan sát tranh và nêu nội dung.  - HS làm việc cá nhân sau đó thảo luận nhóm 4 chia sẻ trong nhóm.  + Tranh 1 vẽ chiếc ô tô có 4 hàng ghế và mỗi hàng có 3 người: vậy 3 được lấy 4 lần, phép tính tương ứng là: 3 x 4 = 12.  + Tranh 2 vẽ có 3 nhóm, mỗi nhóm có 3 cái mũ: vậy 3 được lấy 3 lần, phép tính tương ứng là: 3 x 3 = 9.  - HS làm bài vào phiếu.  - HS trình bày – HS nhận xét bài bạn  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS đọc yêu cầu bài  - HS quan sát tranh  - HS làm bài cá nhân đếm theo thứ tự thêm 3 đơn vị vào số liền trước.    9  27  24  21  18  15  12  - HS đại diện chia sẻ  - HS nhận xét bài bạn.  - HS đọc yêu cầu bài  - HS quan sát tranh  - HS thực hành bằng đồ dùng trực quan của các HS.  3 x 5 = 15  3 x 6 = 18  3x 7 = 21  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS lên chia sẻ cách làm của mình.  - HS nhận xét |
| **3. Vận dụng**  Bài 5:b. Kể một tình huống sử dụng phép nhân 3 x 7 trong thực tế  - GV yêu cầu HS    - GV nhận xét, tuyên dương.  + Qua bài này em, các em hiểu thêm được điều gì?  - Nhận xét tiết học.  - GV dặn dò chuẩn bị cho bài 7: Bảng nhân 4 | - HS nêu yêu cầu.  - HS thảo luận nhóm bàn  - HS chia sẻ bài  - HS trả lời theo ý hiểu. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .....................................................................................................................................................  .....................................................................................................................................................  ..................................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**TIẾT 10; 11 BẢNG NHÂN 4 (Tiết 2 tuần 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Tìm được kết quả các phép tính trong bảng nhân 4 và thành lập bảng nhân 4

- Vận dụng bảng nhân 4 để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. GV: Kế hoạch bài dạy,Bộ đồ dùng DH Toán, bảng phụ ghi các bài tập.

2. HS: SGK, VBT, bảng con, thước kẻ, bộ đồ dùng học Toán.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**  - GV tổ chức trò chơi “ Đố bạn” để khởi động bài học.    - GV yêu cầu hs quan sát bức tranh trong sgk sau đó nói với bạn về nội dung bức tranh.  + Để biết có tất cả bao nhiêu bạn ta làm như thế nào ?  + 4 được lấy mấy lần?  + Nêu phép nhân  + Nếu thêm 1 xe ô tô nữa ta có phép nhân nào?  - GV dẫn dắt vào bài mới: Bảng nhân 4 ( tiết 1) | - HS tham gia trò chơi  3 x 4 = 12  3 x 6 = 18  3 x 8 = 24  - HS lắng nghe.  - HS quan sát tranh, sau đó nói với bạn bên cạnh về những điều quan sát được từ bức tranh: các bạn đang vui chơi ở công viên, có 3 xe, mỗi xe có 4 bạn, vậy có tất cả 12 bạn.  lấy 4 + 4 + 4 = 12  + 4 được lấy 3 lần  4 x 3 = 12  4 x 4 = 16  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám quá :**  a/ Hướng dẫn HS thành lập Bảng nhân 4  -Gv hướng dẫn hs thực hiện phép nhân 4 x 1  + Tay đặt 1 tấm thẻ, nói:4 được lấy 1 lần. Ta có phép nhân 4 x 1 = 4  + Lần lượt, hs thực hiện các phép nhân:  4 x 2; 4 x 3  - GV yêu cầu HS tìm kết quả của các phép nhân còn lại    - GV Nhận xét, tuyên dương  b. Giới thiệu bảng nhân 4  -Gv giới thiệu bảng nhân 4 lên bảng  - Mời HS đọc | -Hs lấy ra các tấm thẻ, mỗi thẻ có 4 chấm tròn, rồi nêu các phép nhân tương ứng;  -Hs thực hiện:  +Tay đặt 2 tấm thẻ nói: 4 được lấy 2 lần.  Ta có 4 x 2 = 4 + 4 = 8.  Vậy ta có phép nhân 4 x 2 = 8  + Tay đặt 3 tấm thẻ nói: 4 được lấy 3 lần  Ta có 4 x 3 = 4 + 4 + 4 = 12  Vậy ta có phép nhân 4 x 3 = 12  -HS làm việc cá nhân, sau đó thảo luận nhóm 4 để tìm ra kết quả của các phép nhân theo các cách khác nhau:  +Sử dụng thẻ chấm tròn  + Thêm 4 vào kết quả của 4 x 3  Ta được kết quả của 4 x 4 .....  -Hs lắng nghe  -Hs quan sát, đọc thầm bảng nhân 4  2 Hs ngồi cùng bàn đọc cho nhau nghe  -HS đọc, chủ động ghi nhớ bảng nhân 4 |
| **3. Luyện tập**  Bài 1. Tính nhẩm?  **-** GV mời 1 HS nêu YC của bài  - Yêu cầu học sinh tính nhẩm các phép tính trong bảng nhân 4 và hoàn thành bài vào vở.    **-** GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS nêu: Tính nhẩm  - HS làm vào vở  4 x 3= 12 4 x 1 = 4 4 x 8 = 32  4 x 9 = 36 4 x 2 = 8 4 x 5 = 20  4 x 6= 24 4 x 7 = 28 4 x 4 = 16  4 x 10 = 40 2 x 4 = 8 5 x 4= 20  -HS quan sát và nhận xét |
| **4. Vận dụng.**  **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 4  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS trả lời:  4 x 1 = 4  4 x 6 = 24  4 x 3 = 12  4 x 9 = 36 |

**TIẾT 2**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**  - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” để khởi động bài học.  4 x 5 = ?  4 x 9 = ?  4 x 6 = ?  - GV dẫn dắt vào bài mới: Bảng nhân 4  ( tiết 2) | - HS tham gia trò chơi  4 x 5 = 20  4 x 9 = 36  4 x 6 = 24  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập**  Bài 2.Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính?  **-** GV mời 1 HS nêu YC của bài  - Yêu cầu học sinh thực hiện các phép nhân, chọn kết quả tương ứng và chỉ ra sự kết nối giữa phép tính với kết  **-**Mời lớp nhận xét bài của bạn  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 3:Nêu phép nhân thích hợp với mỗi tranh vẽ (Làm việc nhóm đôi)  - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài  - Yêu cầu HS quan sát tranh, suy nghĩ viết phép nhân thích hợp  - Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 4a: Hãy đếm thêm 4  - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và tìm các số còn thiếu ở dấu ?  - Giải thích cách tìm các số còn thiếu  -GV nhận xét  Bài 4b:  - GV mời HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV mời đại diện các nhóm trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính  - HS làm vào vở BT, nối phép tính với kết quả đúng của phép tính đó, đổi vở kiểm tra bài cho nhau.    -HS quan sát và nhận xét  -HS nghe  -Nêu phép nhân thích hợp với mỗi tranh vẽ  - HS làm việc cá nhân sau đó thảo luận nhóm đôi, nói cho bạn nghe tình huống và phép nhân phù hợp với từng bức tranh  a,Mỗi hộp có 4 cái bánh, có 6 hộp như vậy. 4 được lấy 6 lần. Ta có phép nhân 4 x 6= 24  Vậy có tất cả 24 cái bánh  b,Mỗi rổ có 4 củ cải, có 4 rổ như vậy.  4 được lấy 4 lần. Ta có phép nhân 4x4=16  Vậy có tất cả 16 củ cải  -HS chia sẻ kết quả, lớp lắng nghe, nhận xét  - Hãy đếm thêm 4  - HS là việc cá nhân, sau đó thảo luận nhóm đôi và tìm các số còn thiếu điền vào ô trống  - 2 nhóm nêu kết quả  12; 16; 20; 24; 28; 32; 36; 40  Vì ở dãy câu a là dãy số tăng dần 4 đơn vị  -Xếp các chấm tròn thích hợp với phép nhân 4 x 3; 4 x 7  - HS làm việc cá nhân sau đó thảo luận nhóm đôi, trả lời theo đề bài.  + Hs xếp các chấm tròn thành 3 hàng, mỗi hàng có 4 chấm tròn rồi nói 4 x 3 = 12  + Hoặc hs xếp các chấm tròn thành 3 cột, mỗi cột có 4 chấm tròn rồi nói 4 x 3 = 12  -HS nêu phép nhân rồi đố bạn xếp các chấm tròn thích hợp  - Đại diện các nhóm trình bày  - Các nhóm khác nhận xét. |
| **4. Vận dụng.**  Bài 5a  - GV mời HS đọc bài toán    - Yêu cầu HS làm bài vào vở  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 5b. Kể một tình huống có sử dụng phép nhân 4 x 5 trong thực tế  **-** GV mời HS đọc đề bài  -Yêu cầu HS suy nghĩ tìm tình huống sau đó chia sẻ kết quả trước lớp.  - Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau..  - Nhận xét tiết học. | -1HS đọc bài toán  - HS đọc bài toán nói cho nhau nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì và cách giải bài toán theo nhóm bàn.  - HS làm vào vở sau đó đổi vở cho bạn kiểm tra, HD bạn sửa sai.  Bài giải  9 bàn như thế có số chỗ ngồi là:  4 x 9 = 36 (chỗ ngồi)  Đáp số: 36 chỗ ngồi  -1HS đọc bài toán: Kể một tình huống có sử dụng phép nhân 4 x 5 trong thực tế  -HS chia sẻ 1 tình huống trong thực tế có sử dụng phép nhân 4 x 5, ví dụ:  + Mỗi chậu có 4 bông hoa, có 5 chậu hoa nên ta có phép tính 4 x 5 = 20  + Mỗi nhóm có 4 học sinh, có 5 nhóm nên ta có phép tính 4 x 5 = 20  - HS chia sẻ |
| **5. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ...................................................................................................................................................... | |

**Đạo đức:**

**CHỦ ĐỀ 1: TUÂN THỦ QUY TẮC AN TOÀN GIAO THÔNG**

**BÀI 1: AN TOÀN GIAO THÔNG KHI ĐI BỘ. (tiết2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nêu được một số quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ.

- Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ.

- Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ.

- Đồng tình với những hành vi tuân thủ quy tắc an toàn giao thông; không đồng tình với những hành vi vi phạm quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ.

- Tự chủ và tự học: Tự giác tuân thủ quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ và tìm hiểu thêm các quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ phù hợp với lứa tuổi.

- Giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm và hợp tác tích cực trong sắm vai xử lý tình huống. Ứng xử văn minh, lịch sự trong các tình huống giao thông khi đi bộ.

- Năng lực nhận thức chuẩn mực hành vi:

+ Nêu được một số quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ.

+ Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ.

**- GDATGT: +**Tìm hiểu ý nghĩa của các biển báo giao thông.

+ Ghi nhớ các loại biển báo và nhắc nhở những người xung quanh việc tham gia giao thông theo chỉ dẫn của các loại biển báo.

- Trách nhiệm: Có ý thức thực hiện tốt an toàn giao thông khi đi bộ.

- Nhân ái: Sẵn sàng giúp đỡ và hướng dẫn người khác thực hiện quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ phù hợp với lứa tuổi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK Đạo đức 3, Kế hoạch bài dạy.

- HS: SGK Đạo đức 3, Vở bài tập Đạo đức 3.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS chia sẻ với nhau về việc đi về hàng ngày từ nhà đến trường.  - GV mời HS trình bày trước lớp  - GV nhận xét, kết nối giới thiệu nội dung của tiết học: An toàn giao thông khi đi bộ (tt) | - HS theo nhóm đôi chia sẻ cùng nhau theo câu hỏi gợi ý:  + Bạn đi đến trường bằng phương tiện gì?  + Nếu đi bộ thì bạn đi như thế nào cho đúng?  + Muốn đi qua đường bạn phải làm sao?  - HS trình bày. |
| **2. Thực hành**  Hoạt động 1:Em đồng tình hay không đồng tình với những hành vi nào? Vì sao?  - GV giới thiệu lần lượt từng tình huống, yêu cầu HS đưa thẻ (đồng tình là thẻ màu xanh, không đồng tình là thẻ màu đỏ).  - GV nêu câu hỏi để HS giải thích, bày tỏ thái độ cho từng tình huống: Vì sao em không đồng tình?  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV kết luận: Việc nhắc nhở và phê phán các hành vi sai khi vi phạm quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ cũng là cách góp phần xây dựng trật tự xã hội.  Hoạt động 2: Xử lý tình huống  **-** Quan sát tranh, nêu nội dung ở mỗi bức tranh.  - Mời HS chia sẻ.  - GV nhận xét, chốt ND mỗi tranh.  - GV chia lớp theo 6 nhóm, sắm vai xử lý tình huống.  - Mời các nhóm trình bày, nhận xét  - GV nhận xét và nhấn mạnh lại quy tắc an toàn giao thông  => Chúng ta luôn tuân thủ quy tắc giao thông khi đi bộ để đảm bảo an toàn cho bản thân và người khác. | - HS nghe và thực hiện cá nhân sau đó chia sẻ với bạn bên cạnh.  + Tranh 1: Chạy thể dục dưới lòng đường (không đồng tình). Vì lòng đường dành cho xe cộ lưu thông, chạy thể dục dưới lòng đường dễ gây tai nạn cho mình và cho người khác,…  + Tranh 2: Có cầu vượt dành cho người đi bộ, biển báo cầu vượt nhưng có hai học sinh (nam và nữ) qua đường phía dưới, không đi bằng cầu vượt. (không đồng tình). Vì đi như thế là sai quy định an toàn giao thông, dễ gây tai nạn….  + Tranh 3: 3 học sinh đi bộ dàn hàng ngang trên đường, không đi sát mép đường. (không đồng tình). Vì 3 bạn đi sai quy định, giành hết đường của người khác, dễ gây tai nạn,…  + Tranh 4: Hai bạn leo trèo qua dải phân cách. (không đồng tình). Vì đi sai quy định, vi phạm luật giao thông, dễ gây tai nạn, …  - HS tham gia nêu tình huống trong giao thông mà mình đã gặp và bày tỏ thái độ.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát cá nhân sau đó chia sẻ với bạn bên cạnh về nội dung từng bức tranh.  - HS chia sẻ trước lớp.  - Theo nhóm, nhận tình huống, thảo luận, phân vai và thực hiện.  Nhóm 1 (tình huống 1): Hai bạn cùng đi bộ đến trường, vì sắp muộn học nên bạn nam đề nghị bạn nữ vượt đèn đỏ đi bộ sang đường.  + Nhóm 2 (tình huống 2): Hai bạn cùng đi bộ đến trường, bạn nam không biết cách băng qua đường nên hỏi bạn nữ đi cùng.  + Nhóm 3 (tình huống 3): Hai bạn cùng đi bộ đến trường, bạn nam đề nghị bạn nữ trèo qua rào chắn đường sắt để đi nhanh hơn.  - HS trình bày trước lớp, nhóm khác nhận xét.  + TH1: Dù có muộn học thì HS cũng không được vượt đèn đỏ khi đi bộ.  + TH2: Hãy đi qua đường trên vạch trắng dành cho người đi bộ.  + TH3: Tuân thủ các quy tắc đi bộ qua đường sắt : quan sát tàu hoả, tuân thủ tín hiệu đèn dừng lại và không được vượt hoặc leo trèo, chui qua rào chắn. |
| **3. Vận dụng**  **\* ATGT: *Tìm hiểu ý nghĩa của một số biển báo thường gặp.***  - GV giới thiệu các hình biển báo của từng biển báo trang 8; 9.  - Các em quan sát các biển báo rồi thảo luận nhóm 2 để tìm hiểu về ý nghĩa của các biển báo có trong bảng.  -GV nhận xét, tuyên dương  Hoạt động 3**:** Thực hiện quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ cùng nhau về việc tuân thủ quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ trong thời gian qua.  - GV nhận xét, tuyên dương | - HS quan sát, thảo luận theo nhóm 2  - Đại diện các nhóm nêu tên và ý nghĩa của từng biển báo trong bảng.  - HS theo dõi nhận xét, bổ sung cho bạn.  -HS thực hiện quy tắc an toàn giao thông khi đi bộ phù hợp với lứa tuổi theo Phiếu rèn luyện trong Vở bài tập Đạo đức 3.  - HS chia sẻ với nhau về việc thực hiện quy tắc an toàn giao thông của mình trong thời gian qua. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

.........................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................

**CHỦ ĐỀ 1: GIA ĐÌNH**

**Bài 01: HỌ HÀNG VÀ NHỮNG NGÀY KỈ NIỆM CỦA GIA ĐÌNH (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau khi học, học sinh sẽ:

- Nêu được một số ngày kỉ nhiệm hay sự kiện quan trọng của gia đình và thông tin có liên quan đến những sự kiện, ngày kỉ niệm đó.

- Vẽ được đường thời gian theo thứ tự các sự kiện lớn, các mốc thời gian quan trọng đối với gia đình.

- Nhận xét được sự thay đổi của gia đình theo thời gian qua một số ví dụ.

- Có biểu hiện yêu quý những người trong gia đình, họ hàng, biết nhớ về những ngày lễ trọng đại của gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- GV:**Sách giáo khoa, sách giáo viên**,** Kế hoạch bài dạy.

**- HS:** SGK và các thiết bị, một số tranh ảnh của ngày sinh nhật mọi người trong gia đình.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức trò chơi: “Em yêu gia đình” để khởi động bài học.  - Câu hỏi trong trò chơi:  + Người sinh ra bố mình gọi là gì?  + Chồng của bà nội gọi là gì?  + Con trai của bác (anh của bố) gọi là gì?  + Người được bà ngoại sinh ra sau mẹ gọi là gì?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Người sinh ra bố mình gọi là bà nội.  + Chồng của bà nội gọi là ông nội.  + Con trai của bác (anh của bố) gọi là anh họ  + Người được bà ngoại sinh ra sau mẹ gọi là dì.  - Lắng nghe. |
| **2. Khám phá**  **Hoạt động 1. Quan sát hình và tìm hiểu các sự kiện của gia đình Minh.**  **-** GV chia sẻ 2 bức tranh và nêu câu hỏi. Sau đó mời học sinh suy nghĩ và trình bày.  + Quan sát các hình về gia đình Minh và cho biết sự kiện nào đã diễn ra.  - GV mời các HS khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - Học sinh quan sát tranh, suy nghĩ và trình bày.  + Tranh 11: Ngày khai giảng năm học mới, ngày Minh chính thức đi học.  + Tranh 12: Gia đình Minh chào đón em bé ra đời (mẹ sinh em bé)  - HS nhận xét ý kiến của bạn.  - Học sinh lắng nghe. |
| **Hoạt động 2. Quan sát và nêu các sự kiện của gia đình Minh qua đường thời gian.**  - GV chia sẻ đường thời gian và nêu câu hỏi. Sau đó mời các nhóm tiến hành thảo luận và trình bày kết quả.  + Tên và thời gian diễn ra các sự kiện đó.  + Thứ tự của các sự kiện trên đường thời gian.  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và bổ sung. | - Học sinh chia nhóm 2, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - Đại diện các nhóm trình bày:  + 2009: Đám cưới của bố mẹ Minh.  + 2014: Minh được sinh ra.  + 2018: Mẹ của Minh sinh em bé.  + 2020: Minh bắt đầu học lớp 1.  + 2009 - 2014 – 2018 - 2020  - Đại diện các nhóm nhận xét.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| **3. Luyện tập**  **Hoạt động 3: Kể về một ngày kỉ niệm hoặc sự kiện quan trọng của gia đình em.**  **-** GV nêu câu hỏi. Sau đó mời học sinh suy nghĩ và trình bày.  + Kể về một ngày kỉ niệm hoặc sự kiện quan trọng của gia đình em.  - GV mời học sinh khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. Gợi mở thêm một số sự kiện để học hiểu hơn.  **Hoạt động 4: Vẽ đường thời gian về một số sự kiện quan trọng của gia đình em.**  - GV giới thiệu sơ đồ đường thời gian, yêu cầu học sinh thảo luận nhóm về nội sung:  + Vẽ đường thời gian về một số sự kiện quan trọng của gia đình em. Nhận xét sự thay đổi của gia đình em qua một số sự kiện theo thời gian.  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - Học sinh suy nghĩ và trình bày ý kiến của mình.  - HS nhận xét ý kiến của bạn.  - Học sinh lắng nghe  - Học sinh suy nghĩ rồi thảo luận nhóm 4, vẽ đường thời gian và trình bày.  + 2014: ngày em sinh ra  + 2018: Lần đầu tiên, cả gia đình đi chơi xa.  + 2020: mẹ sinh em bé.  - Các nhóm nhận xét ý kiến của bạn.  - Học sinh lắng nghe |
| **4. Vận dụng**  **Hoạt động 5. Viết cách xưng hô hoặc dán ảnh các thành viên trong gia đình thuộc họ hàng bên nội, bên ngoại.**  - GV chia sẻ tranh và yêu cầu học sinh quan sát và cùng nhau xử lý tình huống:  + Nếu em là bạn gái trong tình huống sau, em sẽ bày tỏ tình cảm và sự quan tâm đối với bố như thế nào?  - GV mời học sinh khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  - Nhận xét bài học.  - Dặn dò về nhà. | - Học sinh cùng nhau quan sát, suy nghĩ và đưa ra cách xử lý theo hiểu biết của mình.  VD: Bổ sung thêm cách xử lý:  + Tuyệt quá, con chúc mừng bố!  + Vậy là bố đã có vông việc mới rồi, con vui lắm. Chúc mừng bố nhé! - Các học sinh khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - Học sinh lắng nghe. |
| **ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**CHỦ ĐỀ 1: GIA ĐÌNH**

**Bài 02: PHÒNG TRÁNH HỎA HOẠN KHI Ở NHÀ (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau khi học, học sinh sẽ:

- Nêu được một số nguyên nhân dẫn đến cháy nhà và nêu được những thiệt hại có thể xảy ra (về người, về tài sản,...) do hỏa hoạn.

- Phát hiện được một số vật dễ cháy và giải thích được vì sao không được đặt chúng ở gần lửa.

- Thực hành ứng xử trong tình huống giả định khi có cháy xảy ra.

- Có ý thức phòng tránh hỏa hoạn và tôn trọng những quy định về phòng cháy.

**Tích hợp Giáo dục quốc phòng: Hậu quả của những vụ cháy nhà, cháy kho, cháy rừng...**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- GV:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng powerpoint, tivi.

**- HS:** Tranh ảnh, tư liệu về một số vụ hỏa hoạn.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động**  - Em đã nhìn thấy cháy nhà trong thực tế hoặc trên truyền hình chưa?  - Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến cháy nhà?.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS trả lời.  - Nguyên nhân: Cháy nhà do đun nấu bằng bếp củi (rơm, rạ), bếp ga, do chập điện,...  - Chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá**  **Hoạt động 1. Tìm hiểu về nguy cơ/ nguyên nhân cháy nhà.**  **-** GV chia sẻ 4 bức tranh và nêu câu hỏi. Sau đó mời học sinh quan sát và trình bày kết quả.  + Điều gì xảy ra trong mỗi hình?  + Những nguyên nhân nào dẫn đến cháy nhà?  - GV mời các HS khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  - GV chốt HĐ1 và mời HS đọc lại.  Những nguy cơ dẫn đến cháy nhà: đốt rác, rơm rạ gần đống rơm; vừa sặc điện thoại vừa sử dụng, chập điện, để vật dễ bén lửa gần bếp đun nấu,... | - Học sinh đọc yêu cầu bài và tiến trình bày:  - HS trình bày, tự đánh giá.  + H1: Đốt rác bén vào đống rơm gay cháy nhà.  + H2: Chập điện gây cháy nhà.  + H3: Sặc điện thoại gây cháy nhà.  + H4: Để những vật dễ bén lửa gần bếp củi đang đun nấu.  + Những nguyên nhân dẫn đến cháy nhà: đốt rác, rơm rạ; vừa sặc điện thoại vừa sử dụng, chập điện, để vật dễ bén lửa gần bếp đun nấu, ...  - HS lắng nghe đánh giá lần lượt theo ý trả lời của bạn.  - 1 HS nêu lại nội dung HĐ1 |
| **Hoạt động 2. Những nguyên nhân khác gây cháy và cách phòng tránh cháy.**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2.  + Nêu các nguyên nhân khác có thể dẫn đến cháy?  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và bổ sung thêm: *Nguyên nhân khác gây cháy: đốt vàng mã, trẻ em đùa nghịch lửa, không chú ý khi châm hương,..*  **Hoạt động 3. Những thiệt hại do cháy gây ra và cách phòng tránh cháy.**  + Cháy gây thiệt hại gì?  + Cách phòng cháy?  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và bổ sung thêm:  **Tích hợp GDQP:**  **- GV chiếu trên màn hình một số hình ảnh vụ cháy và thiệt hại do cháy gây ra**  +Vụ cháy ngày 24/5/2024 ở Hà Nội 14 người chết và 3 người bị thương.  Vụ cháy 12/9/2023 ở Hà Nội 56 người chết, 37 người bị thương.  Đầu tháng 10 năm 2025 cháy rừng ở Quảng Ninh khiến 50 ha rừng bị thiêu rụi.  -Những vụ cháy như vậy đã gây ra hậu quả gì?  - GV chốt nội dung HĐ3 và mời HS đọc lại:  **+ Hậu quả: Cháy nhà gây thiệt hại về người (bị bỏng, chết); thiệt hại về tài sản (hư hỏng đồ dùng, nhà cửa,..).**  + Cách phòng tránh cháy: Không để vật dễ cháy nơi đun nấu; Hệ thống điện phải lắp Aptomat tự ngắt toàn nhà; Đun bếp phải trông coi,...  **Hoạt động 4. Cách xử lí khi có cháy**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4.  + Mọi người trong hình làm gì?  + Nêu nhận xét của em về cách ứng xử đó?  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và bổ sung thêm:  + H6,7,8 là cách xử lí hợp lí khi xảy ra cháy.  + H9: cách xử lí không hợp lí khi xảy ra cháy. | - Học sinh chia nhóm 2, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - Đại diện các nhóm trình bày:  + Nguyên nhân gây cháy: không cẩn thận khi đốt rác, rơm rạ gần đống rơm; vừa sặc điện thoại vừa sử dụng, chập điện, để vật dễ cháy nơi đun nấu, đốt vàng mã, trẻ em đùa nghịch lửa, không chú ý khi châm hương, ...  - Học sinh trao đổi nhóm 2, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - HS trình bày, tự đánh giá.  \* Hậu quả: Cháy nhà, thiệt hại về người (bị bỏng, chết); thiệt hại về tài sản (hư hỏng đồ dùng, nhà cửa,..).  \* Cách phòng tránh cháy:  - Không để vật dễ cháy nơi đun nấu.  - Hệ thống điện phải lắp Aptomat tự ngắt toàn nhà  - Đun bếp phải trông coi. .....  - HS lắng nghe đánh giá lần lượt theo ý trả lời của bạn.  - 1 HS nêu lại nội dung HĐ3  -Cháy nhà gây thiệt hại về người (bị bỏng, chết); thiệt hại về tài sản (hư hỏng đồ dùng, nhà cửa,..).  - Học sinh chia nhóm 4, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - HS trình bày, tự đánh giá.  + H6: Mọi người thoát khỏi đám cháy bằng cách bò thoát bằng cầu thang bộ.  + H7: Bế em bé chạy ra ngoài đám cháy và kêu cứu.  + H8: Gọi cứu hỏa  + H9: Đổ nước và đám cháy điện: nguy hiểm gây cháy chập lớn hơn và điện giật chết người. |
| **3. Luyện tập**  **Hoạt động 5. Thực hành điều tra, phát hiện những thứ có thể gây cháy nhà em theo gợi ý.**  - GV chia sẻ sơ đồ và nêu câu hỏi. Sau đó mời các nhóm tiến hành thảo luận và trình bày kết quả.  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  - Bài 2,3: GVHD HS hoàn thành vào vở bài tập | - Học sinh chia nhóm 4, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - HS trình bày, tự đánh giá.  + Chai dầu thắp- bếp ga, bếp lửa  + Bao diêm- bếp ga, bếp lửa  + Nến- bếp ga, bếp lửa - HS lắng nghe đánh giá lần lượt theo ý trả lời của bạn. |
| **4. Vận dụng**  - GV tổ chức trò chơi “Cứu hỏa”.  - GV hô: Có cháy! Có cháy!  - GV hô: Cháy ở khu vực nhà bếp  - GV đánh giá, nhận xét trò chơi.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS lắng nghe luật chơi.  - HS hô: Cháy ở đâu?  - HS nêu cách xử lí  - Học sinh tham gia chơi.  - HS lắng nghe đánh giá lần lượt theo ý trả lời của bạn. |
| **ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY.**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**Hoạt động trải nghiệm**

# **TIẾT 4 - 6: CĐ1: EM VÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC THÂN YÊU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Sắp xếp được thứ tự các hoạt động, công việc trong ngày của bản thân.

- Thực hiện và theo dõi được thời gian biểu mà mình đã đề ra.

- NL thích ứng với cuộc sống: Thể hiện sự khéo léo, cẩn thận khi trang trí lớp học.

- NL thiết kế và tổ chức hoạt động: Tham gia được các hoạt động chung của trường, lớp; thực hiện được ý tưởng về việc trang trí, lao động vệ sinh lớp học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Thể hiện trong lao động, sắp xếp được thứ tự các hoạt động, công việc trong ngày của bản thân; Thực hiện và theo dõi được thời gian biểu mà mình đã đề ra; Giữ gìn vệ sinh lớp học.

- Phẩm chất nhân ái: Vui vẻ, thân thiện với các bạn khi trở lại trường học; Hợp tác, chia sẻ với bạn khi tham gia công việc chung của trường, lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy. Nội quy lớp học Giấy, màu vẽ, bút vẽ,…; để lập nội quy lớp học.

2. Học sinh: SGK Hoạt động trải nghiệm 3, giấy bìa màu, bút chì, bút màu, thước kẻ, hồ dán,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. Hoạt động 1: Nghe phổ biến về nội quy nhà trường.  - GV phối hợp với GV Tổng phụ trách Đội tổ chức cho HS nghe phổ biến về nội quy nhà trường và thực hiện việc rèn luyện theo nội quy của nhà trường.  - GV nhắc nhở HS ghi nhớ và tuân thủ nội quy mà nhà trường đã đề ra.  2.Hoạt động 2:Chia sẻ về khó khó khăn mà em có thể gặp khi thực hiện nội quy và cách khắc phục khó khăn đó.  - GV cho HS chia sẻ về những khó khăn em có thể gặp khi thực hiện nội quy của nhà trường và cách khắc phục khó khăn đó.  -GV động viên HSkhắc phục khó khăn.  -GV nhắc nhở HS ghi nhớ và tuân thủ nội quy của nhà trường | - HS tham gia học tập nội quy nhà trường.  - HS ngồi vào vị trí của lớp, giữ trật tự, lắng nghe.  - HS tiếp thu lời nhắc nhở, ngồi nghiêm túc.  -HS chia sẻ về những khó khăn em có thể gặp khi thực hiện nội quy của nhà trường và cách khắc phục khó khăn đó với bạn bên cạnh.  - Một số HS chia sẻ trước lớp. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động:** Tổ chức trò chơi để khởi động.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **2. Khám phá:**   1. Hoạt động 4: Ghi lại những điều em đã học được sau khi chia sẻ về kết quả thực hiện thời gian biểu: 2. 1.Trao đổi với bạn về kết quả thực hiện thời gian biểu của em: 3. 2. Ghi lại những điều em đã học được sau khi chia sẻ về kết quả thực hiện thời gian biểu:   - Mời HS chia sẻ những điều các em đã viết.  - GV nhận xét, tổng kết hoạt động  **3. Luyện tập :**  Hoạt động 5: Ứng xử với những tình huống đột xuất khi thực hiện thời gian biểu.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 và tìm hiểu tình huống 1, cùng trao đổi để đưa ra cách ứng xử em cho là phù hợp. Cả nhóm cùng thống nhất chọn ra một cách ứng xử tình huống.    - GV nhận xét, chốt  - GV thực hiện tương tự với tình huống 2.   * - GV tổ chức cho các nhóm chia sẻ cách xử lí tình huống * - Nhận xét, tuyên dương.  1. 2. Nêu những tình huống đột xuất khác mà em đã gặp khi thực hiện thời gian biểu và cách giải quyết của em.  * -Tổng kết hoạt động   **4. Vận dụng:**  - GV tổ chức cho HS chia sẻ những việc mình  đã làm thể hiện tinh thần tự giác hoàn thành các nhiệm vụ trong thời gian biểu.  - GV nhận xét, tổng kết hoạt động: Lập thời gian biểu giúp chúng ta hoàn thành đúng các nhiệm vụ đã đề ra. Cũng như, linh hoạt xử lí các tình huống đột xuất. | - HS tham gia chơi.  - HS thực hiện.  - HS làm việc cá nhân sau đó chia sẻ theo nhóm đôi chia sẻ với bạn về kết quả thực hiện thời gian biểu của bản thân  + Hoạt động: Thức dậy, vệ sinh, vui chơi…  + Hoạt động: Đọc sách  + Hoạt động: Ăn tối, học tập…  + Hoàn thành các nhiệm vụ theo đúng trình tự khoa học, hợp lí.  -Một số HS chia sẻ trước lớp, HS theo dõi nhận xét  - HS đọc yêu cầu  -HS tự suy nghĩ, ghi lại những điều em đã học được từ chính bản thân mình sau khi trao đổi về kết quả thực hiện thời gian biểu (điều gì em đã làm tốt và cần tiếp tục phát huy, điều gì em cần điều chỉnh trong thời gian biểu của mình, điều em học hỏi được từ bạn cùng nhóm trong việc thực hiện thời gian biểu)  -HS chia sẻ trước lớp  - HS đọc và nắm rõ yêu cầu của GV  - HS làm việc cá nhâ, sau đó hoạt động nhóm 4, đưa ra câu trả lời:  + Tình huống 1: Em sẽ bỏ qua buổi đá bóng hôm đó. Vì gia đình quan trọng hơn nên sẽ ở lại giúp đỡ mẹ.  - HS báo cáo kết quả trước lớp  + Tình huống 2: Em sẽ vẫn đi ngủ đúng giờ. Vì sức khỏe rất quan trọng nên ngủ đúng giờ mới đảm bảo sức khỏe để ngày mai đi học.  - HS lắng nghe nhận xét.   * -HS chia sẻ thêm về khó khăn mà mình đã gặp khi thực hiện thời gian biểu.   - HS xung phong chia sẻ trước lớp  - HS lắng nghe nhận xét. |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Khởi động**  -HS bắt bài hát  -Gv nêu mục tiêu bài học  **2. Khám phá :**  HĐ1: Báo cáo sơ kết công tác tuần:  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích, nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.   1. HĐ2: Tham gia xây dựng nội quy lớp học: 2. 1.Thảo luận xây dựng nội quy lớp học:  * -GV tổ chức cho HS thảo luận và xây dựng nội quy lớp học theo nhóm.   - GV tổng hợp yến kiến của các tổ , tổ chức cho HS biểu quyết những nội quy đã được các tổ thống nhất .  2. Lập bảng cam kết thực hiện nội quy lớp học:  - GV tổ chức cho cả lớp lập bản cam kết thực hiện nội quy lớp học.  - GV nhật xét, tổng kết hoạt động . | -HS hát  - HS thực hiện theo yêu cầu  - Từng tổ lần lượt báo cáo hoạt động của tổ trong tuần trước lớp.  + Đi học chuyên cần:  + Tác phong , đồng phục .  + Chuẩn bị bài, đồ dùng học tập  + Vệ sinh.  - HS nhận xét bổ sung.  - Lớp trưởng nhận xét tổng hợp chung cả lớp.  -HS lắng nghe GV nhận xét.  - HS đọc yêu cầu.  - HS trang trí lớp học, trang trí phiếu nội quy lớp họctheo nhóm 4.  - Các tổ lên bảng trình bình ý kiến.  - Các nhóm theo dõi nhận xét, bổ sung.  - HS đọc yêu cầu  - HS lập bảng cam kết thực hiện nội quy lớp học bằng cách in dấu vân tay lên nội quy của lớp như một cách thức thể hiện sự nhất trí với bản nội quy đã đề ra và cam kết thực hiện các nội quy đó. |

**VI. Điều chỉnh sau bài dạy:**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...............................

………………………………………………………………………………………………….......

**Giáo dục thể chất**

**CHỦ ĐỀ 1: ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ**

**BÀI 1: BIẾN ĐỔI ĐỘI HÌNH TỪ MỘT VÒNG TRÒN**

**THÀNH HAI, BA VÒNG TRÒN VÀ NƯỢC LẠI. (4T- Tiết 1,2 )**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết khẩu lệnh và cách thức thực hiện động tác biến đổi đội hình từ một vòng tròn thành ba vòng tròn và ngược lại.

- Thực hiện được động tác biến đổi đội hình từ một vòng tròn thành ba vòng tròn và ngược lại.

- Bước đầu biết tự sửa sai thông qua nghe, quan sát và tập luyện.

- Tự xem trước khẩu lệnh, cách thực hiện biến đổi đội hình từ một vòng tròn thành hai vòng tròn và ngược lại trong sách giáo khoa.

- Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện. Biết điều chỉnh trang phục để thoải mái và tự tin khi vận động, biết điều chỉnh chế độ dinh dưỡng đảm bảo cho cơ thể.

- Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên chuẩn bị:  Tranh ảnh động tác biến đổi đội hình từ một vòng tròn thành hai vòng tròn và ngược lại, trang phục thể thao, còi phục vụ trò chơi.

-Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao, trang phục thể thao

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.**

**TIẾT 3**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **Hoạt động GV** | **Điều mong đợi ở HS** |
| **I. Hoạt động mở đầu**  **1. Nhận lớp**  **2. Khởi động**  - Chạy nhẹ nhàng 1 vòng quanh sân tập.  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  - Tập bài võ 27 động tác.  **3. Trò chơi.**  - Trò chơi *“Chim bay, cò bay”*  **II. Hoạt động Thực hành.**  **1. Biến đổi đội hình từ một vòng tròn thành hai (ba) vòng tròn và ngược lại.**  *Tập đồng loạt*  *Tập theo tổ nhóm*  *Thi đua giữa các tổ*  **2.Trò chơi** *“Kết bạn”*    **IV. Hoạt động kết thúc**  - Thả lỏng cơ toàn thân.  - Củng cố hệ thống bài học (vận dụng).  - Nhận xét và hướng dẫn tập luyện ở nhà. | 6-10 phút  1-2 phút  3-5 phút  1-2 phút  18-22 phút  12-15 phút  2-4 phút  6-8 phút  4-6 phút | - Nghe cán bộ lớp báo cáo.  - Hỏi về sức khỏe của HS.  - Thầy trò chúc nhau.  - Phổ biến nội dung, nhiệm vụ và yêu cầu giờ học.  - GV di chuyển và quan sát, chỉ dẫn cho HS thực hiện.  -Gv tổ chức HS chơi trò chơi.  - Gv hô nhịp 1 lần và giao cán sự lớp hô.  - HS tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho HS.  - Yêu cầu Tổ trưởng cho các bạn Thực hành theo khu vực.  - Gv quan sát, uốn nắn, sửa sai cho HS.  - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ.  -Tuyên dương tổ tập đều, đúng nhất.  - GV nêu tên trò chơi, phổ biến luật chơi, cách chơi.  - Cùng HS nhắc lại luật chơi và cách chơi.  - Cho HS chơi thử.  - Tổ chức cho HS chơi.  - GV hướng dẫn.  - Gv cùng HS hệ thống lại bài (đưa câu hỏi).  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của HS.  - HD sử dụng SGK để HS ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | - Cán sư tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp học cho Gv.  GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  - Cán sự điều khiển lớp khởi động .  - HS chơi đúng luật, nhiệt tình sôi nổi và đảm bảo an toàn.  \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \*  GV  - HS tiến hành tập luyện theo sự hướng dẫn của Gv và cán sự lớp.  - HS thay phiên nhau hô nhịp.  - Từng tổ lên thi đua - trình diễn  HS nhắc lại luật chơi, cách chơi.  - HS tiến hành chơi trò chơi dưới sự chỉ huy của Gv.  - Chơi trò đúng luật, nhiệt tình, sôi nổi và an toàn.  - HS thực hiện thả lỏng  - HS cùng Gv hệ thống lại bài (HS quan sát (tranh) trả lời) |

**TIẾT 4**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **Hoạt động GV** | **Điều mong đợi ở HS** |
| **I. Hoạt động mở đầu**  **1. Nhận lớp**  **2. Khởi động**  - Chạy nhẹ nhàng 1 vòng quanh sân tập.  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  - Tập bài võ 27 động tác.  **3. Trò chơi.**  - Trò chơi “Chim bay, cò bay”  **II. Hoạt động Thực hành.**  **1. Biến đổi đội hình từ một vòng tròn thành hai (ba) vòng tròn và ngược lại.**  *Tập đồng loạt*  *Tập theo tổ nhóm*  *Thi đua giữa các tổ*  **2.Trò chơi** *“Kết bạn”*  TC kết bạn  **IV. Hoạt động kết thúc**  - Thả lỏng cơ toàn thân.  - Củng cố hệ thống bài học (vận dụng).  - Nhận xét và hướng dẫn tập luyện ở nhà. | 6-10 phút  1-2 phút  3-5 phút  1-2 phút  18-22 phút  12-15 phút  2-4 phút  6-8 phút  1-3 phút  4-6 phút | - Nghe cán bộ lớp báo cáo.  - Hỏi về sức khỏe của HS.  - Thầy trò chúc nhau.  - Phổ biến nội dung, nhiệm vụ và yêu cầu giờ học.  - GV di chuyển và quan sát, chỉ dẫn cho HS thực hiện.  -Gv tổ chức HS chơi trò chơi.  - Gv hô nhịp 1 lần và giao cán sự lớp hô.  - HS tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho HS.  - Yêu cầu Tổ trưởng cho các bạn Thực hành theo khu vực.  - Gv quan sát, uốn nắn, sửa sai cho HS.  - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ.  -Tuyên dương tổ tập đều, đúng nhất.  - GV nêu tên trò chơi, phổ biến luật chơi, cách chơi.  - Cùng HS nhắc lại luật chơi và cách chơi.  - Cho HS chơi thử.  - Tổ chức cho HS chơi.  - GV hướng dẫn.  - Gv cùng HS hệ thống lại bài (đưa câu hỏi).  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của HS.  - HD sử dụng SGK để HS ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | - Cán sư tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp học cho Gv.  GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  - Cán sự điều khiển lớp khởi động .  - HS chơi đúng luật, nhiệt tình sôi nổi và đảm bảo an toàn.  \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \*  GV  - HS tiến hành tập luyện theo sự hướng dẫn của Gv và cán sự lớp.  - HS thay phiên nhau hô nhịp.  \* \* \* \* \*  \* \* \*  \* \*  \* \* GV \* \* \* \*  \* \* \*  \* \* \* \* \*  - Từng tổ lên thi đua - trình diễn  HS nhắc lại luật chơi, cách chơi.  - HS tiến hành chơi trò chơi dưới sự chỉ huy của Gv.  - Chơi trò đúng luật, nhiệt tình, sôi nổi và an toàn.  - HS thực hiện thả lỏng  - HS cùng Gv hệ thống lại bài (HS quan sát (tranh) trả lời) |

**VI. Điều chỉnh sau bài dạy:**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................